HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 17/2018/NQ-HĐND	*Bình Định, ngày 19 tháng 7 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang 2 vụ lúa/năm và các loại cây trồng khác có hiệu quả đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông, thôn hướng dẫn chi tiết Điều 4 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang 2 vụ lúa/năm và các loại cây trồng khác có hiệu quả đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số 25/BCTT-KTNS ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang 2 vụ lúa/năm và các loại cây trồng khác có hiệu quả đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định, với các nội dung như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Hợp tác xã nông nghiệp, hộ gia đình, cá nhân thực hiện chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang 2 vụ lúa/năm và các loại cây trồng khác có hiệu quả của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ giá giống lúa thuần để thực hiện chuyển đổi trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm

- Điều kiện hỗ trợ:

Diện tích chuyển đổi được hỗ trợ phải theo kế hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Mức hỗ trợ:

+ Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 50% giá lúa giống cho sản xuất vụ Thu năm thứ 1; hỗ trợ 40% giá lúa giống cho sản xuất vụ Thu năm thứ 2; hỗ trợ 30% giá lúa giống cho sản xuất vụ Thu năm thứ 3.

+ Định mức hỗ trợ lúa giống: 120 (một trăm hai mươi) kilôgam/1 hécta.

+ Giá lúa giống hỗ trợ: Theo giá thời điểm do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hàng năm.

- Cơ chế hỗ trợ

+ Đối với huyện miền núi: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí.

+ Các huyện, thị xã, thành phố còn lại: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% kinh phí; ngân sách huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ 30% kinh phí.

b) Hỗ trợ tập huấn, tuyên truyền, chuyển giao kỹ thuật sản xuất lúa đầu vụ

Ngân sách tỉnh cấp kinh phí cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phân bổ cho các đơn vị thuộc Sở phối hợp các địa phương hỗ trợ đào tạo cán bộ kỹ thuật trồng trọt, bảo vệ thực vật ở các địa phương và các Hợp tác xã nông nghiệp; thực hiện hướng dẫn kỹ thuật và tuyên truyền về chủ trương chính sách chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang 2 vụ lúa/năm và các loại cây trồng khác có hiệu quả theo kế hoạch hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ

Căn cứ chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này và nhu cầu chuyển đổi hàng năm của các địa phương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện 3 năm (2018-2020) bắt đầu từ vụ Thu năm 2018 đến hết năm 2020.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XII Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:
- UBTVQH, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tùng